



**BẢN TIN ĐIỆN TỬ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC  
RESEARCH BULLETIN**

**SỐ 12 - THÁNG 12/2018 - VOLUME: – DECEMBER, 2018**

**LƯU HÀNH NỘI BỘ**

® Bản tin này được tổng hợp từ các báo cáo, đề tài nghiên cứu định kỳ hàng tháng liên quan đến lĩnh vực kinh tế tài chính – ngân hàng của các tổ chức quốc tế WB, ADB, IMF, BIS và thông tin kết quả nghiên cứu của các đề tài cấp nhà nước, cấp ngành của NHNN, các Bộ, ngành TW của Việt Nam, các thông tin Hội thảo của các Viện nghiên cứu, trường đại học, ấn phẩm khoa học của các NXB có uy tín tại Việt Nam phù hợp với quy định pháp luật về báo chí và bản quyền.

® Mọi quan điểm, nội dung trong Bản tin đều được dịch hoặc căn cứ vào thông tin khoa học chính thống, chỉ có hàm ý cung cấp thông tin tham khảo mà không phản ánh ý kiến hay quan điểm của Ban Biên tập cũng như của Viện CLNH. Người đọc chỉ nên sử dụng Bản tin nội bộ như là thông tin tham khảo.

**CHỊU TRÁCH NHIỆM  
XUẤT BẢN**

**VIỆN CHIẾN LƯỢC  
NGÂN HÀNG**

Bản tin phát hành định kỳ hàng tháng, được gửi trực tiếp qua email và đăng tải trên Cổng thông tin khoa học và công nghệ ngành Ngân hàng:  
[khoa hocnganhang.org.vn](http://khoa hocnganhang.org.vn)

Liên hệ

Email:  
[research.bsi@sbv.gov.vn](mailto:research.bsi@sbv.gov.vn)

**NGÂN HÀNG NHÀ  
NƯỚC VIỆT NAM**

Địa chỉ:

Tầng 9, tòa nhà 504 Xã Đàn,  
quận Đống Đa,  
Tp. Hà Nội.



**THÔNG TIN KHOA HỌC QUỐC TẾ****NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ**

<b>Phương pháp toàn diện để đánh giá rủi ro tín dụng của doanh nghiệp vừa và nhỏ theo dữ liệu Châu Á</b>	<b>Chi phí đi vay và vai trò của các ngân hàng phát triển đa phương: bằng chứng từ việc cho vay ngân hàng hợp vốn xuyên biên giới.</b>	<b>Thị trường trái phiếu Trung Quốc và các thị trường tài chính toàn cầu</b>	<b>Quan điểm tiền tệ chủ chốt về bất cân đối toàn cầu</b>
<p>Tác giả đưa ra một phương pháp do Yoshino và Taghizadeh-Hesary xây dựng để phân loại xếp hạng tín dụng cho SMEs bằng cách sử dụng hai kỹ thuật phân tích thống kê. <a href="#">Chi tiết</a></p>	<p>Cho vay ngân hàng xuyên biên giới là một nguồn tài trợ từ bên ngoài hiện đang nở rộ tại các nước đang phát triển và có thể đóng một vai trò quan trọng đối với việc tài trợ cho cơ sở hạ tầng. Bài viết này xem xét vai trò của các ngân hàng phát triển đa phương (MDBs) về các điều khoản trong các hợp đồng cho vay hợp vốn, tập trung vào giá cả cho vay. <a href="#">Chi tiết</a></p>	<p>Một phân tích so sánh xuyên quốc gia cho thấy có rất nhiều cơ hội để Trung Quốc hội nhập sâu hơn vào các thị trường tài chính toàn cầu, đặc biệt là ở thị trường trái phiếu quốc tế. <a href="#">Chi tiết</a></p>	<p>Điều gì sẽ xảy ra nếu đồng Nhân dân tệ trở thành đồng tiền chính cùng với đồng đô la và đồng euro? <a href="#">Chi tiết</a></p>
<b>Tránh bẫy thu nhập trung bình ở Châu Á: vai trò của thương mại, sản xuất và tài chính</b>	<b>Tiếp cận tài chính và lực lượng lao động nghèo ở các nước đang phát triển: Bằng chứng mới từ thâm nhập ngân hàng</b>		
<p>Chất lượng tăng trưởng của các quốc gia có thu nhập cao khác so với các quốc gia có thu nhập trung bình và do đó đòi hỏi các yếu tố nguồn lực, cơ cấu ngành và chính sách khác nhau. <a href="#">Chi tiết</a></p>	<p>Bài viết này nghiên cứu tác động của việc tiếp cận các dịch vụ tài chính, được đo bằng số lượng chi nhánh ngân hàng, đối với thất nghiệp và bất bình đẳng trong thị trường lao động. <a href="#">Chi tiết</a></p>		

**NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ CHUYÊN SÂU**  
**CẢI TIẾN TRONG THANH TOÁN BÁN LẺ**

Trong hơn một thập kỷ qua, nhiều cải tiến trong lĩnh vực thanh toán bán lẻ đã xuất hiện. Những cải tiến này có thể tác động lên thị trường bán lẻ - ví dụ như, tác động lên người sử dụng trong việc lựa chọn các công cụ thanh toán và tái định hình một cách sâu sắc các quy trình thanh toán. Các cải tiến có thể có khả năng cắt giảm chi phí và gia tăng phúc lợi xã hội. Tuy nhiên, đối với các ngân hàng trung ương, chúng cũng đặt ra nhiều vấn đề chính sách do những tác động của chính đối với sự hiệu quả và tính lành mạnh của hệ thống thanh toán bán lẻ. Dựa trên các xu hướng đã nhận diện và tính kinh tế của thanh toán bán lẻ - đặc biệt là các khái niệm về tính kinh tế của quy mô và phạm vi, các hiệu ứng mạng lưới và thị trường 2 mặt – báo cáo xác định một số nhân tố nội sinh và ngoại sinh có thể là động lực và rào cản cho các cải tiến thanh toán bán lẻ. [Chi tiết](#)

**NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC**

**THÔNG TIN ĐỀ TÀI TRONG NƯỚC**

<b>MÃ SỐ</b>	<b>TÊN ĐỀ TÀI</b>	<b>CHỦ NHIỆM</b>
ĐTNH.008/17	Tăng cường sự phối hợp giữa chính sách tiền tệ với chính sách an toàn hoạt động ngân hàng tại Việt Nam. ( <a href="#">Chi tiết</a> )	TS.Nguyễn Phi Lâm - Vụ trưởng, Vụ IV, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, NHNN

HỘI THẢO KHOA HỌC	ẤN PHẨM KHOA HỌC
TỌA ĐÀM “TÀI CHÍNH VI MÔ CÓ VAI TRÒ QUAN TRỌNG TRONG PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN”. <a href="#">(Chi tiết)</a>	TỪ ĐIỂN PHÂN TÍCH KINH TẾ. <a href="#">(Chi tiết)</a>
	KINH TẾ HỌC TỔ CHỨC. <a href="#">(Chi tiết)</a>

**BẢN TIN NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ****1. Phương pháp toàn diện để đánh giá rủi ro tín dụng của doanh nghiệp vừa và nhỏ theo dữ liệu Châu Á (A Comprehensive Method for the Credit Risk Assessment of Small and Medium-sized Enterprises Based on Asian Data)**

*Nguồn: ADB*

*Tác giả: Naoyuki Yoshino & Farhad Taghizadeh-Hesary*

*Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu hoạt động của các định chế tài chính*

*Ngày xuất bản: 24/12/2018*

Do sự bất cân xứng thông tin giữa người đi vay là doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) và người cho vay (ngân hàng), nhiều ngân hàng đã xem đối tượng này là rất rủi ro. Điều quan trọng đối với ngân hàng là có thể phân biệt được doanh nghiệp lành mạnh và doanh nghiệp rủi do để giảm lượng nợ xấu trong lĩnh vực SME. Nếu các ngân hàng có thể làm được thì việc cho vay các SMEs thông qua ngân hàng sẽ dễ dàng hơn với những yêu cầu về tài sản thế chấp ít hơn và lãi suất thấp hơn. Trong nghiên cứu này, tác giả đưa ra một phương pháp do Yoshino và Taghizadeh-Hesary xây dựng (2014) để phân loại xếp hạng tín dụng cho SMEs bằng cách sử dụng hai kỹ thuật phân tích thống kê – phân tích yếu tố chính và phân tích tổng hợp – áp dụng cho 11 chỉ tiêu tài chính của 1363 doanh nghiệp SMEs ở Châu Á. Nếu được các định chế tài chính sử dụng, phương pháp toàn diện và hiệu quả này có thể cho phép ngân hàng và các đại lý cho vay khác trên thế giới, đặc biệt ở Châu Á, phân nhóm khách hàng SME dựa vào sức khỏe tài chính, điều chỉnh lãi suất cho vay và đặt trần cho vay đối với từng nhóm.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

**2. Chi phí đi vay và vai trò của các ngân hàng phát triển đa phương: bằng chứng từ việc cho vay ngân hàng hợp vốn xuyên biên giới. (Borrowing Costs and The Role of Multilateral Development Banks: Evidence from Cross-Border Syndicated Bank Lending)**

*Nguồn: IMF*

*Tác giả: Daniel Gurara; Andrea Presbitero & Miguel Sarmiento*

*Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng*

*Ngày xuất bản: 07/12/2018*

Cho vay ngân hàng xuyên biên giới là một nguồn tài trợ từ bên ngoài hiện đang nở rộ tại các nước đang phát triển và có thể đóng một vai trò quan trọng đối với việc tài trợ cho cơ sở hạ tầng. Bài viết này xem xét vai trò của các ngân hàng phát triển đa phương (MDBs) về các điều khoản trong các hợp đồng cho vay hợp vốn, tập trung vào giá cả cho vay. Kết quả cho thấy sự tham gia của MDB có liên quan đến chi phí đi vay cao hơn và thời gian đáo hạn dài hơn – báo hiệu việc sẵn lòng tài trợ hơn cho các dự án có rủi ro cao không được khu vực tư nhân tài trợ - nhưng nó cũng cho thấy mức chênh lệch lãi suất thấp hơn cho những người đi vay có rủi ro cao hơn. Nhìn chung, các phát hiện của nhóm nghiên cứu ghi nhận rằng MDB có thể thu hút đầu tư tư nhân vào các quốc

gia đang phát triển thông qua giảm thiểu rủi ro.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

### **3. Thị trường trái phiếu Trung Quốc và các thị trường tài chính toàn cầu (China's Bond Market and Global Financial Markets)**

*Nguồn: IMF*

*Tác giả: Eugenio M Cerutti & Maurice Obstfeld*

*Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế*

*Ngày xuất bản: 07/12/2018*

Một phân tích so sánh xuyên quốc gia cho thấy có rất nhiều cơ hội để Trung Quốc hội nhập sâu hơn vào các thị trường tài chính toàn cầu, đặc biệt là ở thị trường trái phiếu quốc tế. Tự do hóa thành công hơn nữa trên thị trường trái phiếu Trung Quốc bao gồm không chỉ nới lỏng các quy định của thị trường trái phiếu mà còn là phát triển hơn nữa ở các thị trường khác, đặc biệt là thị trường ngoại hối. Mặc dù việc Trung Quốc đang đẩy mạnh hội nhập vào các thị trường vốn quốc tế sẽ làm tăng khả năng chịu rủi ro trước các chu kỳ vốn toàn cầu, chi phí xét về mặt tự chủ về tiền tệ sẽ không lớn với quy mô của Trung Quốc và đặc biệt là trong một khuôn khổ kinh tế vĩ mô vững chắc.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

### **4. Quan điểm tiền tệ chủ chốt về bất cân đối toàn cầu (A key currency view of global imbalances)**

*Nguồn: BIS*

*Tác giả: N/A*

*Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế*

*Ngày xuất bản: 20/12/2018*

"Nghiên cứu phân chia thế giới thành các khu vực tiền tệ theo sự đồng biến của mỗi đồng tiền với các đồng tiền chủ chốt. Khu vực đồng đô la bao gồm các nền kinh tế tạo ra hơn một nửa GDP toàn cầu. Khu vực đồng euro hiện nay bao gồm hầu hết châu Âu và một số nước sản xuất hàng hóa, nhưng vẫn chỉ bằng một nửa quy mô của khu vực đồng đô la. Thị phần của khu vực đồng đô la đang cho thấy sự ổn định nổi bật bất chấp những thay đổi lớn trên khắp các khu vực theo thời gian. Các biến động này bao gồm sự sụp đổ của khu vực đồng Sterling và sự mở rộng của đồng DM/euro từ Tây Bắc Âu sang châu Âu và xa hơn nữa.

Mất cân bằng toàn cầu khác với quan điểm tiền tệ. Vào những năm 2000, cán cân vãng lai của khu vực đồng đô la đã biến mất khi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu (GFC) bắt đầu nổ ra, thậm chí cán cân vãng lai của Mỹ giảm mạnh xuống mức thấp tại mọi thời điểm. Vị thế đầu tư quốc tế ròng của khu vực đồng đô la cũng đạt được sự cân bằng sau đó. Do đó, các dữ liệu về số dư và số phát sinh trong khu vực đồng đô la đều không ủng hộ dự đoán phổ biến vào đầu những năm 2000 về sự sụp đổ của đồng đô la trong tương lai gần. Trên thực tế, hầu hết sự mở rộng dài hạn cán cân vãng lai xảy ra

trong nội bộ các khu vực tiền tệ, ở đó rủi ro tiền tệ được hạn chế.

Sự thống trị của đồng đô la không dựa trên quy mô của nền kinh tế Mỹ mà là về quy mô của khu vực đồng đô la. Trong một thế giới như vậy, sự trỗi dậy của một nền kinh tế lớn khác đặt ra câu hỏi không phải là quy mô tương đối mà là sự liên kết lại của các loại tiền tệ thứ ba. Điều gì sẽ xảy ra nếu đồng Nhân dân tệ trở thành đồng tiền chính cùng với đồng đô la và đồng euro? Đã có một số loại tiền tệ tại các thị trường mới nổi đang hợp tác với đồng Nhân dân tệ chống lại đồng đô la. Theo bằng chứng hiện tại, một khu vực đồng Nhân dân tệ sẽ thu hẹp khu vực đồng đô la và mở rộng thâm hụt cán cân vãng lai.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

## **5. Tránh bẫy thu nhập trung bình ở Châu Á: vai trò của thương mại, sản xuất và tài chính (Avoiding the Middle-Income Trap in Asia: The Role of Trade, Manufacturing, and Finance)**

*Nguồn: ADB*

*Tác giả: Bihong Huang; Peter J. Morgan & Naoyuki Yoshino*

*Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế*

*Ngày xuất bản: 03/12/2018*

Chất lượng tăng trưởng của các quốc gia có thu nhập cao khác so với các quốc gia có thu nhập trung bình và do đó đòi hỏi các yếu tố nguồn lực, cơ cấu ngành và chính sách khác nhau. Việc tránh bẫy thu nhập trung bình đã trở thành chủ đề chính trong nhiều tài liệu kinh tế và là mối quan tâm chính cho các nhà hoạch định chính sách, mặc dù còn khó định nghĩa chính xác và đưa ra bằng chứng thực nghiệm về vấn đề này. Lập luận cơ bản là chất lượng tăng trưởng ở những quốc gia thu nhập cao khác so với các quốc gia có thu nhập trung bình và do đó đòi hỏi các yếu tố nguồn lực, cơ cấu ngành và chính sách khác nhau. Quan trọng phải tăng cường khả năng đổi mới và tái cấu trúc kinh tế để hỗ trợ cho việc sản xuất giá trị gia tăng cao hơn. Do việc đạt được thu nhập cao là mục tiêu chính của nhiều nhà hoạch định chính sách nên việc hiểu được các yếu tố cản trở hoặc hỗ trợ quá trình chuyển đổi này trở nên rất quan trọng. Báo cáo này trình bày những nghiên cứu gần đây liên quan đến bẫy thu nhập, tập trung vào kinh nghiệm của Trung Quốc, nơi mà các nhà hoạch định chính sách quan tâm đến vấn đề này.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

## **6. Tiếp cận tài chính và lực lượng lao động nghèo ở các nước đang phát triển: Bằng chứng mới từ thâm nhập ngân hàng (Financial Outreach and Working Poverty in Developing Countries: New Evidence from Bank Penetration)**

*Nguồn: WB*

*Tác giả: Coulibaly, Aissata-000536535 & Yogo, Urbain Thierry*

*Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế*

*Ngày xuất bản: 21/12/2018*

Mặc dù những bằng chứng nghiên cứu chỉ ra rằng người nghèo được hưởng lợi từ việc tiếp cận tốt hơn các dịch vụ tài chính nhờ có nhiều cơ hội tăng trưởng và việc làm hơn, các cuộc tranh luận về cơ chế nào và mức độ tiếp cận ra sao để làm giảm sự bất bình đẳng vẫn tiếp tục diễn ra. Coi lao động là tài sản chính của người nghèo, bài viết này nghiên cứu tác động của việc tiếp cận các dịch vụ tài chính, được đo bằng số lượng chi nhánh ngân hàng, đối với thất nghiệp và bất bình đẳng trong thị trường lao động. Nghiên cứu sử dụng một nhóm gồm 63 quốc gia đang phát triển trong giai đoạn 2004 - 2013 để chứng minh rằng việc cải thiện khả năng tiếp cận tài chính giúp giảm tỷ lệ lao động nghèo, đặc biệt là ở các quốc gia bị ảnh hưởng bởi sự bất ổn kinh tế vĩ mô. Phân tích cho thấy tác động tiêu cực đối với lao động nghèo ít quan trọng hơn hai lần so với tác động tích cực đối với người lao động trong nhóm phân phối thu nhập hàng đầu, cho thấy sự gia tăng bất bình đẳng. Nhưng hiệu quả này được giảm thiểu, vì nghiên cứu tìm thấy bằng chứng cho thấy việc tiếp cận nhiều hơn với các dịch vụ tài chính cho những người lao động tương đối giàu có có thể có tác động mạnh mẽ trong việc giảm thất nghiệp.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

## NGHIÊN CỨU CHUYÊN SÂU CẢI TIẾN TRONG THANH TOÁN BÁN LẺ

*Ngân hàng thanh toán quốc tế  
(Tháng 5/2012)*

**(Kỳ 3)**

### **Phần 5: Triển vọng**

Do tính chất phát triển nhanh chóng của thị trường thanh toán bán lẻ và sự phức tạp của hệ sinh thái kỹ thuật của nó, các dự đoán về hướng phát triển mới sẽ có phần rủi ro. Theo đó, chỉ có một vài chỉ dẫn về những gì có thể xảy ra trong năm năm tới đúc rút từ bản chất kinh tế cơ bản của thanh toán cũng như các nhân tố thúc đẩy và rào cản đã được chỉ ra trong báo cáo này.

*(i) Diễn biến phát triển về công nghệ sẽ làm mờ đi ranh giới giữa các danh mục sản phẩm*

Như đã giải thích trong Phần 2.3, các cải tiến đã trở nên ngày càng khó phân loại một cách rõ ràng. Lý do là những phát triển gần đây nhất cho phép các sản phẩm thanh toán được thiết lập theo cách linh hoạt hơn. Do đó, các thiết bị truy cập cũng như các kênh truy cập đang trở nên có thể thay thế cho nhau, ví dụ: cả thanh toán di động và internet đều có thể được thực hiện bằng điện thoại thông minh. Đồng thời, các tiến bộ xử lý dữ liệu đang khiến các quy trình thanh toán điện tử hội tụ khiến thông tin truy cập được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu trên các máy chủ từ xa thay vì trên chính công cụ thanh toán. Từ góc độ người dùng, điều này có nghĩa là các sản phẩm khác nhau - đặc biệt là chuyển khoản tín dụng/ghi có, thanh toán thẻ và chuyển tiền điện tử - sẽ ngày càng dễ thay thế.

*(ii) Giao tiếp trường gần: tiềm năng phát triển trong tương lai*

Một số yếu tố củng cố quan điểm rằng thanh toán không tiếp xúc sẽ phát triển thành một phương thức thanh toán thành công trong thập kỷ này. Công nghệ này được thúc đẩy bởi nhu cầu tăng sự thuận tiện từ người tiêu dùng và thương nhân, vì nó cung cấp cho xử lý thanh toán nhanh hơn, đặc biệt thông qua việc khởi tạo thanh toán nhanh hơn. Nó nhắm tới mục tiêu chủ yếu là thị trường thanh toán giá trị thấp, nơi vẫn bị chi phối bởi tiền mặt ở hầu hết các quốc gia. Cho đến nay, việc sử dụng đã bị cản trở bởi số lượng thẻ thanh toán hỗ trợ NFC hoặc điện thoại di động tương đối nhỏ cũng như các thiết bị đầu cuối POS tương thích. Tuy nhiên, có những dấu hiệu rõ ràng rằng thiết bị NFC sẽ trở nên phổ biến rộng rãi hơn trong trung hạn, ví dụ: người chơi toàn cầu cam kết phát hành thẻ và điện thoại tương thích và thúc đẩy việc sử dụng chúng. Một yếu tố hỗ trợ khác là NFC thường chỉ là một tiện ích bổ sung cho thiết bị truy cập đã được thiết lập, chẳng hạn như thẻ hoặc điện thoại di động. Cuối cùng, sự thành công của công nghệ NFC sẽ phụ thuộc vào giá trị gia tăng của nó theo cảm nhận của người dùng, tức là tốc độ, độ tin cậy và bảo mật của nó.

*(iii) Thương mại điện tử: động lực chính trong tương lai*

Ở nhiều nền kinh tế, thương mại điện tử tiếp tục phát triển nhanh chóng. Tuy nhiên, nhiều người tiêu dùng vẫn dựa vào các công cụ truyền thống như chuyển khoản tín dụng và thẻ tín dụng để thanh toán cho các giao dịch trên internet. Do đó, vẫn còn tiềm năng đáng kể cho thanh toán internet. Thứ nhất, phương thức thanh toán hiện tại không phải lúc nào cũng đáp ứng nhu cầu về hiệu quả hoặc bảo mật của người dùng<sup>1</sup>. Các cải tiến mới cũng có thể được điều chỉnh cho các mục đích cụ thể, chẳng hạn như thanh toán siêu nhỏ (micropayment) hoặc có thể duy trì tính ẩn danh trong quá trình thanh toán. Thứ hai, tầm quan trọng của thương mại điện tử vẫn đang tăng lên và điểm bão hòa có thể chưa đạt được. Thứ ba, thị trường có tiềm năng cho thanh toán xuyên biên giới, trong đó phạm vi công cụ thanh toán hiệu quả hiện tại vẫn còn hạn chế và một lần nữa không phải lúc nào cũng phù hợp với nhu cầu của người dùng.<sup>2</sup> Tuy nhiên phương thức thanh toán truyền thống có thể tiếp tục đóng một vai trò quan trọng vì người tiêu dùng đã quen thuộc với chúng. Trong khi đó, các giải pháp mới có thể gặp khó khăn trong việc đạt được quy mô lớn trên cả hai mặt của thị trường hai mặt. Hơn nữa, tương lai thị trường thanh toán, đặc biệt là trong bối cảnh thương mại điện tử xuyên biên giới, sẽ bị ảnh hưởng bởi mức độ xử lý các rào cản về tiêu chuẩn và hợp tác.

*(iv) Vai trò của những người công ty toàn cầu có thể tăng lên*

Nói chung, PSP trong nước phải đối mặt với những thách thức khác nhau khi cố gắng mở rộng dịch vụ của họ trong thị trường nội địa và hơn thế nữa. Chúng bao gồm nhu cầu giành được niềm tin của các nhóm người dùng mới hoặc giải quyết các rào cản kỹ thuật và pháp lý khi tìm cách hợp tác với các PSP khác. Về mặt này, những công ty toàn cầu, như chương trình thẻ quốc tế, nhà khai thác di động toàn cầu hoặc doanh nghiệp internet, có thể có lợi thế trong việc tận dụng phạm vi bao phủ và sức mạnh thị trường của họ khi cung cấp các giải pháp thanh toán sáng tạo xuyên biên giới, có thể linh hoạt đáp ứng nhu cầu cụ thể của địa phương.

*(v) Đối mới trong thanh toán bán lẻ: bước nhảy lớn hay bước đi nhỏ?*

Cải tiến trong thanh toán bán lẻ là một bước nhảy vọt lớn hoặc chỉ các bước đi nhỏ có thể khác nhau giữa các quốc gia. Trong nhiều trường hợp, nhiều khả năng là các bước đi nhỏ vì (i) nhiều đổi mới chỉ đại diện cho các cải tiến gia tăng đối với các dịch vụ thanh toán hiện có và đã thiết lập; (ii) thói quen thanh toán của người dùng thường chỉ thay đổi với tốc độ chậm; và (iii) tính kinh tế cụ thể của thị trường thanh toán dẫn đến thời gian chuyển tiếp khá dài. Tuy nhiên, các ví dụ trước đây về bước nhảy vọt phát triển khá lớn vẫn tồn tại, chẳng hạn như thay thế séc bằng thẻ thanh toán mới hoặc các

<sup>1</sup> Xem Ngân hàng Hà Lan, Thanh toán mua sắm trực tuyến xuyên biên giới: hành vi, nhận thức và mong muốn, 2011.

<sup>2</sup> Mặc dù internet đã làm cho việc liên lạc không biên giới trở nên dễ dàng hơn, thương mại điện tử xuyên biên giới đã không phát triển nhiều như thương mại điện tử trong nước. Điều này có thể phải làm với các rào cản như ngôn ngữ và các sở thích khác nhau của người tiêu dùng và thương gia cũng như các thông số kỹ thuật khác nhau và các vấn đề pháp lý giữa các quốc gia. Điều này cũng chỉ ra rằng các công cụ thanh toán phổ biến có thể là cần thiết nhưng không đủ điều kiện cho khối lượng lớn hơn của thương mại điện tử xuyên biên giới. Xem EC, Báo cáo về thương mại điện tử xuyên biên giới ở EU, Tài liệu làm việc của Ủy ban Cộng đồng Châu Âu Ủy ban Nhân sự SEC (2009) 283.

công cụ thay thế (như thẻ ghi nợ ở một số quốc gia). Ngoài ra, các nước đang phát triển có cơ sở hạ tầng thanh toán kém phát triển có thể có tiềm năng cao hơn để đưa ra các giải pháp thanh toán mới từ đầu, nhờ đó vượt qua một số bước phát triển thông thường cho các công cụ thanh toán bán lẻ hoặc cơ sở hạ tầng (ví dụ M-PESA ở Kenya; xem Hộp 10).

*(vi) Điều gì có thể thay đổi cuộc chơi trong thanh toán?*

Ngay cả ở các quốc gia nơi sự cải tiến sẽ chỉ có tác động tích cực, những thay đổi khác biệt hơn hoàn toàn không thể bị loại trừ. Các yếu tố có khả năng kích hoạt những thay đổi như vậy được liệt kê dưới đây.

Đầu tiên, các chương trình thanh toán mới, chẳng hạn như tiền ảo, hiện chủ yếu là đơn lẻ và / hoặc chỉ được chấp nhận trong cộng đồng ảo tương ứng có thể trở nên đa mục đích và được chấp nhận rộng rãi.<sup>3</sup> Mạng xã hội đã phát triển mạnh mẽ trong vài năm qua và đã có một lượng lớn khách hàng quen thuộc với các công nghệ mới và do đó có xu hướng áp dụng các giải pháp thanh toán sáng tạo. Những giải pháp này cần được theo dõi cẩn thận vì những rủi ro tiềm ẩn liên quan đến sự tăng trưởng nhanh chóng của những giải pháp không được kiểm soát đó.

Thứ hai, với năng lực cốt lõi của các ngân hàng trong thanh toán ở một số quốc gia, có khả năng các tổ chức phi ngân hàng trước tiên sẽ tiếp tục tìm kiếm sự hợp tác với ngành ngân hàng như một phương tiện thâm nhập thị trường và hưởng lợi từ chuyên môn, uy tín và / hoặc cơ sở khách hàng của các đối tác của họ. Tuy nhiên, không thể loại trừ rằng, theo thời gian, các tổ chức phi ngân hàng sẽ phát triển các chiến lược độc lập hơn và sẽ không còn cần phải liên minh với các ngân hàng.

Thứ ba, các nhà chức trách có thể tạo ra sự thay đổi đáng kể trong thanh toán bằng cách thay đổi khung pháp lý. Ở những thị trường không có sự tiến bộ đầy đủ, các cơ quan quản lý có thể cố gắng trực tiếp giải quyết các yếu tố mà họ coi là rào cản đối với sự đổi mới. Hơn nữa, các cơ quan quản lý có thể giải quyết các vấn đề bảo mật để duy trì niềm tin của công chúng đối với các phương thức thanh toán mới.

*(vii) Sự khác biệt đáng kể giữa các khu vực sẽ tiếp tục tồn tại*

Mặc dù công nghệ sẽ dẫn đến sự hội tụ nhiều hơn trong thanh toán ở cấp độ toàn cầu, nhưng sự khác biệt đáng kể giữa các khu vực có thể sẽ tiếp tục. Ví dụ, ở Châu Phi và một số khu vực ở Châu Á, một số chương trình qua thiết bị di động đã được triển khai thành công, mỗi chương trình có hơn một triệu người dùng. Các chương trình này

<sup>3</sup> Tiền ảo là loại tiền được tạo và lưu hành trong một cộng đồng ảo cụ thể. Tiền ảo có hệ thống mệnh giá riêng và chủ yếu được sử dụng để trao đổi hàng hóa và dịch vụ được cung cấp trong cộng đồng của họ. Bằng cách xem xét cách chúng tương tác với các loại tiền thật, chúng có thể được phân loại thành ba loại sau. Loại 1: Cơ chế tiền ảo khép kín. Trong các cơ chế này, hầu như không có mối quan hệ nào giữa tiền ảo và tiền thật. Người dùng thường trả phí đăng ký và sau đó kiếm tiền ảo trong cộng đồng ảo. Tiền chỉ được sử dụng để mua hàng hóa và dịch vụ ảo trong cộng đồng ảo. Loại 2: Các cơ chế tiền ảo với dòng chảy một chiều (in-). Trong cơ chế này, tiền thật có thể được chuyển đổi thành tiền ảo, nhưng không có trao đổi theo hướng ngược lại. Người dùng phải chi số tiền này trong cộng đồng ảo, ví dụ: hàng hóa và dịch vụ ảo. Loại 3: Các cơ chế tiền ảo với dòng chảy hai chiều. Trong các cơ chế như vậy, tiền ảo có thể được trao đổi thành tiền thật và ngược lại (nghĩa là có hai tỷ giá hối đoái liên quan, mua và bán), và do đó nó có thể được sử dụng theo cách tương tự như bất kỳ loại tiền thật nào.

tập trung chủ yếu vào thị trường chuyên khoản nội địa và thanh toán hóa đơn.<sup>4</sup> Tuy nhiên, tại Nhật Bản, điện thoại di động được sử dụng chủ yếu như một thiết bị truy cập không tiếp xúc tại POS để thanh toán tiền điện tử và làm thiết bị truy cập cho ngân hàng trực tuyến.<sup>5</sup> Ở các khu vực khác khu vực ngân hàng đã phát triển lâu đời và khối lượng thanh toán không dùng tiền mặt trên đầu người tương đối cao, thanh toán qua internet có thể đóng một vai trò nổi bật trong các cải tiến thanh toán trong tương lai. Nói chung, sự phát triển trong tương lai của thanh toán bán lẻ ở các quốc gia khác nhau sẽ phụ thuộc mạnh mẽ vào các yếu tố kinh tế xã hội, như đô thị hóa, di cư, hiểu biết về máy tính, tính sẵn có và thâm nhập của cơ sở hạ tầng ngân hàng cũng như cách các nhân tố thúc đẩy và rào cản xác định tác động trong bối cảnh cụ thể. Do đó, một sự cải tiến thành công ở một quốc gia sẽ không nhất thiết sẽ thành công ở các quốc gia khác.

### **Phần 6: Các vấn đề và thách thức đối với các ngân hàng trung ương**

Để thúc đẩy tính bảo mật và hiệu quả của thanh toán bán lẻ, các ngân hàng trung ương thường: (i) giải quyết các trở ngại pháp lý và quy định đối với sự phát triển và đổi mới thị trường; (ii) tạo các điều kiện thị trường cạnh tranh; (iii) hỗ trợ các tiêu chuẩn và sắp xếp cơ sở hạ tầng hiệu quả; và (iv) cung cấp các dịch vụ của riêng họ theo cách hiệu quả nhất cho thị trường liên quan.<sup>6</sup>

Tuy nhiên, có sự khác biệt đáng kể giữa các ngân hàng trung ương, thường phản ánh sự khác biệt ở các quốc gia tương ứng, chẳng hạn như môi trường thể chế và quy định. Những điều này có thể phát sinh từ các nhiệm vụ, mục tiêu, chính sách và công cụ pháp lý khác nhau (xem Phụ lục 6). Do đó, tác động của sự cải tiến trong thanh toán bán lẻ đối với các hoạt động của ngân hàng trung ương cũng có thể khác nhau giữa các quốc gia.

Tuy nhiên, một số yếu tố phổ biến có thể được quan sát trong thông tin được cung cấp bởi các thành viên nhóm làm việc về các cải tiến trong thanh toán bán lẻ ảnh hưởng đến các hành động của ngân hàng trung ương:

- Các ngân hàng trung ương thường rất coi trọng những cải tiến trong thanh toán bán lẻ, do tác động rất lớn của chúng đối với hệ thống thanh toán bán lẻ. Xu hướng này có thể sẽ tiếp tục và thậm chí tăng cường trong những năm tới.
- Các ngân hàng trung ương thúc đẩy việc sử dụng các phương thức thanh toán hiệu quả và an toàn. Nhiều ngân hàng trung ương tìm cách khuyến khích sử dụng các công cụ thanh toán sáng tạo và chuyển sang thanh toán bán lẻ không dùng tiền mặt. Mặc dù cũng nhằm cải thiện hiệu quả trong thanh toán, các ngân hàng trung ương khác chọn cách tiếp cận trung lập hơn đối với việc sử dụng các công cụ thanh toán.
- Ở một số quốc gia thành viên nhóm làm việc, cải cách chức năng giám sát thanh toán đã được thực hiện để tính đến những phát triển mới trong thanh toán bán lẻ.

<sup>4</sup> Xem Mobile Money Tracker ([www.wirelessintelligence.com/mobile-money](http://www.wirelessintelligence.com/mobile-money)).

<sup>5</sup> Gần đây, các dịch vụ chuyển tiền trong nước và quốc tế sử dụng điện thoại di động đã được ra mắt tại Nhật Bản.

<sup>6</sup> Xem CPSS, Các vấn đề chính sách cho các ngân hàng trung ương trong thanh toán bán lẻ, tháng 3 năm 2003, trang 2.

- Trong những năm gần đây, sự chú ý ngày càng tăng đã hướng đến các tổ chức phi ngân hàng liên quan đến thanh toán bán lẻ. Đây có thể sẽ tiếp tục là một vấn đề quan trọng.
- Ở nhiều quốc gia, quy định mới đã được ban hành liên quan đến cải tiến và phi ngân hàng. Tuy nhiên, điều này chủ yếu được thực hiện bởi các cơ quan khác ngoài ngân hàng trung ương hoặc, trong một số trường hợp, cùng bởi các ngân hàng trung ương và các cơ quan chức năng khác.
- Số lượng lớn các ngân hàng trung ương có hoạt động liên quan đến thanh toán bán lẻ đã thay đổi hệ thống thanh toán của họ hoặc giới thiệu các hệ thống mới để thúc đẩy cải tiến.

Trong vai trò tương ứng là chất xúc tác, giám sát và/hoặc nhà điều hành hệ thống thanh toán, các ngân hàng trung ương có thể vừa ảnh hưởng đến thị trường thanh toán vừa chịu ảnh hưởng của sự đổi mới và phát triển thị trường. Điều quan trọng là phải tính đến sự phụ thuộc lẫn nhau này khi các ngân hàng trung ương xác định lập trường của họ về cải tiến. Các phần dưới đây phác thảo một số thách thức đối với các nhiệm vụ và chính sách của ngân hàng trung ương được chọn có liên quan đến đổi mới thanh toán bán lẻ. Cần lưu ý rằng mức độ liên quan của từng vấn đề và thách thức sẽ khác nhau giữa các ngân hàng trung ương, tùy thuộc vào vai trò của từng tổ chức trong thanh toán bán lẻ và có vẻ không phù hợp để chỉ định xếp hạng ưu tiên chung, vì mỗi ngân hàng trung ương có thể cần đánh giá riêng về những vấn đề này nó liên quan và có liên quan. Mặc dù vậy, hầu hết tất cả các ngân hàng trung ương đều coi việc theo dõi và đánh giá các diễn biến liên quan (Mục 6.1) cũng như đảm bảo giám sát hiệu quả (Mục 6.4), bao gồm cả hợp tác với các cơ quan khác, là quan trọng.

### **6.1. Theo dõi và đánh giá các diễn biến liên quan**

Gần như tất cả các ngân hàng trung ương coi điều quan trọng là phải giám sát và đánh giá sự phát triển mới trong thanh toán. Việc thiếu dữ liệu thống kê có thể khiến tầm quan trọng và hậu quả có thể xảy ra của các cải tiến bị đánh giá quá cao hoặc quá thấp. Nhận thức được tầm quan trọng của việc hiểu nhu cầu người dùng và sự phức tạp của thị trường, một số ngân hàng trung ương đã đẩy mạnh nghiên cứu trong bối cảnh phát triển cải tiến thị trường trong thanh toán bán lẻ. Các nghiên cứu này thường tập trung vào các khía cạnh như sở thích của người dùng, chi phí của các công cụ thanh toán hoặc ý nghĩa của các cải tiến về bảo mật, hiệu quả, tính sẵn có và khả năng tiếp cận của các dịch vụ thanh toán bán lẻ, mà còn xác định các rủi ro có thể xảy ra đối với sự an toàn và liên tục của hệ thống thanh toán như một toàn thể. Để đánh giá hồ sơ rủi ro của đổi mới, các ngân hàng trung ương cần có sự hiểu biết thấu đáo về công nghệ và quy trình kinh doanh cơ bản. Với sự đánh đổi tiềm năng giữa an ninh và hiệu quả, cần có một cách tiếp cận cân bằng, nhưng các ngân hàng trung ương riêng lẻ có thể nhận định khác nhau về khía cạnh nào quan trọng hơn.

#### *Những thách thức chính*

- Một số ngân hàng trung ương phải dựa vào sự hợp tác tự nguyện của người chơi thị trường khi thu thập dữ liệu thống kê hoặc sử dụng các nguồn công khai, nên không phải lúc nào cũng có thể thu thập dữ liệu họ cần.

- Trong bối cảnh sự phát triển liên tục trong thanh toán bán lẻ, các ngân hàng trung ương có thể được hưởng lợi từ việc đánh giá lại định kỳ tính đầy đủ của các cuộc điều tra thống kê của họ. Hơn nữa, các ngân hàng trung ương có thể cần phải điều chỉnh các phương pháp của họ để thu thập dữ liệu để đáp ứng sự phát triển trong kỹ thuật thu thập thông tin. Hiểu biết chi tiết về thị trường thanh toán bán lẻ là không thể thiếu, và việc sử dụng các định nghĩa hài hòa và chính xác là đủ quan trọng. Tuy nhiên, gánh nặng báo cáo quá cao cho những người chơi mới trong thị trường thanh toán có thể cản trở sự cải tiến.
- Vì các cải tiến có xu hướng ở quy mô nhỏ bé lúc ban đầu và có thể không vượt qua giai đoạn thử nghiệm, nên các ngân hàng trung ương khó có thể đánh giá tiềm năng của các sản phẩm hoặc quy trình mới làm cơ sở để quyết định các ưu tiên.
- Hồ sơ rủi ro thay đổi đặt ra một thách thức chính cho các ngân hàng trung ương và yêu cầu họ điều tra, đánh giá và cũng có thể để lấp đầy các lỗ hổng pháp lý tiềm năng, đặc biệt là liên quan đến an ninh và gian lận.
- Một yếu tố quan trọng để đánh giá rủi ro đổi mới là tác động của công nghệ. Tuy nhiên, công nghệ mới sẽ không được coi là một năng lực cốt lõi của các ngân hàng trung ương. Về mặt này, có thể cần phải nâng cao chuyên môn của các ngân hàng trung ương hoặc phụ thuộc nhiều hơn vào sự hợp tác với các cơ quan giám sát hoặc giám sát các thành phần công nghệ có liên quan của các sản phẩm sáng tạo hoặc tư vấn bên ngoài với chuyên môn cần thiết.
- Các vấn đề tài nguyên có liên quan đến việc theo dõi hiệu quả các phát triển mới và đánh giá tác động của chúng đối với hiệu quả và bảo mật của thanh toán bán lẻ.

## 6.2. Truyền thông, công bố thông tin và sự minh bạch

Để đảm bảo tính minh bạch và cung cấp chỉ dẫn cho thị trường, các ngân hàng trung ương tìm cách truyền đạt các mục tiêu, quan điểm và các kết quả nghiên cứu của mình. Các chỉ dẫn này cũng có thể bao gồm lập trường chính sách của họ và công việc liên quan tới những phát triển mới trong thanh toán bán lẻ. Họ sử dụng đa dạng các công cụ truyền thông, từ việc xuất bản các báo cáo thường xuyên<sup>7</sup> cho tới các tham vấn công khai<sup>8</sup> và các tài liệu chiến lược.<sup>9</sup> Ngoài ra, các ngân hàng trung ương có thể đảm nhận

---

<sup>7</sup> Các báo cáo này thường dựa trên các phân tích và đánh giá của các ngân hàng trung ương về tình hình phát triển các hệ thống thanh toán bán lẻ hiện nay trên quốc gia của họ và cũng có thể phác họa mức độ đạt được các mục tiêu của ngân hàng trung ương trong vấn đề này hoặc việc liệu họ có xem xét cân nhắc các hành động khắc phục cần thiết hay không. Ví dụ như Báo cáo thường niên của Hội đồng Hệ thống Thanh toán Úc hay các báo cáo tiến độ của hệ thống đồng Euro về việc thực hiện SEPA.

<sup>8</sup> Ví dụ, là một phần của đánh giá chiến lược của Hội đồng Thanh toán Úc thuộc Ngân hàng Dự trữ Úc về đổi mới trong hệ thống thanh toán của quốc gia này, một cuộc tham vấn người dân đã được thực hiện, kêu gọi các quan điểm từ tất cả các bên liên quan, bao gồm những thành viên tham gia hệ thống thanh toán, các doanh nghiệp nhỏ và lớn, người tiêu dùng và chính quyền.

<sup>9</sup> Các tài liệu này thường cung cấp thông tin về các bước chính được ngân hàng trung ương lên kế hoạch trong những năm tới cũng như kỳ vọng của ngân hàng trung ương về sự phát triển của thị trường trong

các việc giáo dục và tổ chức các chiến dịch truyền thông toàn quốc về các vấn đề cụ thể, chẳng hạn như nâng cao nhận thức của cộng đồng về các vấn đề an ninh.<sup>10</sup>

*Những thách thức chính:*

- Khi các ngân hàng trung ương xây dựng các mục tiêu chính sách xuất phát từ nhiệm vụ pháp lý của cơ quan này, ngân hàng trung ương có thể tham khảo ý kiến các bên liên quan để hiểu các chi tiết cụ thể. Có thể có khó khăn trong việc cân bằng quan điểm của tất cả thành viên tham gia trên thị trường, đặc biệt là những thành viên đương nhiệm và những thành viên mới trên thị trường.

- Các ngân hàng trung ương có thể phải đối mặt với các vấn đề về uy tín nếu những nỗ lực truyền thông của họ là không thành công (ví dụ: nếu thị trường không thuận theo những kỳ vọng), hoặc nếu những đánh giá và hướng dẫn của ngân hàng trung ương được chứng minh là sai.

### **6.3. Khả năng tương tác và kết nối giữa các hệ thống thanh toán khác nhau**

Hầu hết các ngân hàng trung ương coi tiêu chuẩn hóa và khả năng tương tác của các hệ thống là các vấn đề quan trọng. Những đổi mới trong thị trường thanh toán bán lẻ có thể đặt ra những câu hỏi mới liên quan đến tiêu chuẩn hóa và khả năng tương tác. Để đẩy mạnh hiệu quả, các ngân hàng trung ương thúc đẩy khả năng tương tác của các hệ thống thanh toán bán lẻ khác nhau bằng cách mở cửa các thị trường cho những thành viên mới.

Để tạo điều kiện cho việc đối thoại giữa các bên liên quan khác nhau, các ngân hàng trung ương có thể tham gia các diễn đàn và các nhóm lợi ích khác nhau, tổ chức các cuộc họp với các bên liên quan hoặc công khai các thông điệp chính sách.

*Những thách thức chính:*

- Khả năng tương tác là một mục tiêu chính sách có thể được coi là cần thiết để mở đường tiếp cận thị trường cho PSP. Tuy nhiên, mục đích này có thể làm tăng rủi ro tổng thể nếu một nhà cung cấp dịch vụ sáng tạo có hồ sơ rủi ro cao hơn. Cân bằng khả năng tương tác và rủi ro là thách thức chính đối với các ngân hàng trung ương.

- Áp lực đang gia tăng đối với việc chuẩn hóa ở cấp độ toàn cầu cũng như cấp độ trong nước, đặc biệt đối với các tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản. Đối với các ngân hàng trung ương, thách thức ở đây là đảm bảo mức độ tham gia thích hợp trong các hoạt động đó.

### **6.4. Giám sát thanh toán hiệu quả và hợp tác với các cơ quan khác**

*(i) Xem xét các khung giám sát hiện có*

Một số ngân hàng trung ương đang xem xét các khung giám sát hiện có của mình để có thể phản ứng phù hợp với sự phát triển của đổi mới.<sup>11</sup> Trước tiên, các ngân hàng

---

trung lai. Các ví dụ bao gồm các tài liệu Chiến lược và Khung khổ Hệ thống Thanh toán Quốc gia được công bố 5 năm một lần bởi Ngân hàng Dự trữ Nam Phi hay Tài liệu Tầm nhìn Hệ thống Thanh toán do Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ công bố.

<sup>10</sup> Cơ quan Tiền tệ Singapore nỗ lực giáo dục để đẩy mạnh việc chấp nhận sử dụng thanh toán điện tử.

<sup>11</sup> Để có một đánh giá tổng thể về vai trò giám sát của ngân hàng trung ương, xem CPSS, *Giám sát của ngân hàng trung ương đối với các hệ thống thanh quyết toán*, tháng 5 năm 2005.

trung ương có thể nhận thấy việc có một nhiệm vụ pháp lý rõ ràng là điều quan trọng để cải thiện chức năng giám sát của cơ quan này. Thứ hai, các ngân hàng trung ương có thể xem xét điều chỉnh các chính sách giám sát và thực tiễn giám sát hiện nay của mình – ví dụ: mở rộng phạm vi của mình bằng cách công khai cho các PSP phi ngân hàng đặc biệt vào danh mục đối tượng giám sát. Thứ ba, các ngân hàng trung ương có thể cân nhắc giới thiệu các công cụ giám sát mới mà có thể giám sát được cả những sáng kiến mới.

*(ii) Hợp tác với các cơ quan khác ở cấp quốc gia và quốc tế*

Khi vai trò của các tổ chức tài chính phi ngân hàng ngày một tăng lên, trong hầu hết các trường hợp, các ngân hàng trung ương không còn là cơ quan duy nhất quan tâm đến các khoản thanh toán. Để đạt được một sự cân bằng giữa các khía cạnh giám sát khác nhau (giám sát, thanh tra, và các nhà điều tiết thị trường khác) và các mục tiêu khác nhau (bảo mật, khả năng thanh toán của các nhà cung cấp, hiệu quả, đổi mới và tài chính toàn diện), việc phối hợp giữa tất cả các cơ quan hữu quan trong lĩnh vực tài chính và phi tài chính là điều cần thiết. Về mặt này, việc bảo vệ các khoản tiền được nắm giữ tại các tổ chức phi ngân hàng xứng đáng được quan tâm sâu sát.

Thiết lập các thỏa thuận chính thức hoặc các biên bản ghi nhớ về việc hợp tác giữa các thực thể có liên quan có thể là điều cần thiết: để đảm bảo rằng tất cả các cơ quan có thẩm quyền đều được thông báo về những phát triển có liên quan đến trách nhiệm của riêng họ, để đảm bảo rằng tất cả các cơ quan chức năng có hiểu biết đầy đủ về các dịch vụ mới, để đạt được một góc nhìn chung về các rủi ro phát sinh; đặc biệt nếu các mô hình kinh doanh mới, phức tạp hơn được sử dụng; để tránh việc không nhất quán trong cách tiếp cận quản lý; và để giảm thiểu khả năng các nỗ lực bị trùng lặp, và do đó tạo gánh nặng pháp lý cho các nhà cung cấp, chủ sở hữu chương trình và các nhà khai thác.

Mặc dù nghiên cứu thực tế dường như cho thấy rằng các hoạt động đổi mới hiện nay đang tập trung chủ yếu vào các thị trường trong nước, một số đổi mới dường như kêu gọi tăng cường hợp tác quốc tế giữa các ngân hàng trung ương. Đó có thể là trường hợp mà đổi mới tác động hoặc tạo điều kiện cho thanh toán bán lẻ xuyên biên giới hoặc phụ thuộc vào các nhà cung cấp toàn cầu. Ngoài nhu cầu tăng cường giám sát hợp tác, hợp tác về các tiêu chuẩn giám sát có thể trở nên cần thiết cho việc hỗ trợ các đổi mới trong thanh toán xuyên biên giới. Mặt khác, ngân hàng trung ương có thể có mối quan tâm đối với việc thống nhất các yêu cầu về bảo mật, chẳng hạn như các tiêu chuẩn tối thiểu chung, để ngăn chặn việc lách luật.<sup>12</sup>

*Những thách thức chính:*

- Hệ thống thanh toán bán lẻ có thể sẽ phức tạp hơn nhiều trong tương lai do các sản phẩm và nhà cung cấp ngày càng đa dạng. Một cách tiếp cận giám sát nhất quán của các ngân hàng trung ương có thể đòi hỏi sự tập trung lớn hơn để có thể giám sát được cả các công cụ thanh toán mới và các công cụ thanh toán đã có cũng như tất cả các nhà cung cấp có liên quan, có thể là các ngân hàng hoặc các tổ chức phi ngân hàng.

- Các công cụ được ngân hàng trung ương sử dụng để bắt đầu thay đổi hệ thống bán

<sup>12</sup> Trong trường hợp này, các hệ thống hoặc các nhà cung cấp lựa chọn hoạt động tại các quốc gia có ít yêu cầu về nhu cầu hơn, trong khi đó làm dịch vụ của họ trở nên sẵn có tại các quốc gia khác.

lẽ, tùy thuộc vào nhiệm vụ pháp lý của nó, có thể khá hạn chế và do đó cần phải xem xét lại. Tuy nhiên, một số ngân hàng trung ương có thể chỉ có một phương pháp tiếp cận là “thuyết phục tinh thần – moral suasion”.

- Một thách thức khác là xác định thời điểm áp dụng giám sát hoặc các quy định lên một sáng kiến đặc biệt. Nếu áp dụng quá sớm, việc giám sát có thể kìm hãm đổi mới, nếu áp dụng quá muộn, có thể khiến hệ thống chịu các rủi ro liên quan.

- Đồng thời, một phương pháp quản lý cân bằng là cần thiết để ngăn chặn sự không nhất quán giữa các yêu cầu quản lý đã được thiết lập cho các nhà cung cấp và các lĩnh vực khác nhau. Hơn nữa, một sân chơi bình đẳng cho các nhà cung cấp là ngân hàng và phi ngân hàng là cần thiết để tránh những méo mó trong cạnh tranh.

- Sự hội tụ ngày càng nhanh của các mục tiêu và các công cụ giữa giám sát và thanh tra có thể dẫn đến nguy cơ kích thích cạnh tranh giữa các nhà quản lý hơn là khuyến khích hợp tác. Điều tương tự cũng có thể đúng với hợp tác quốc tế, trong đó khung pháp lý và giám sát khác nhau là một vấn đề. Ngược lại, một ví dụ về sự hợp tác hiệu quả giữa các cơ quan thanh tra và giám sát thu thập được từ diễn đàn gần đây về bảo mật thanh toán bán lẻ (SecuRe Pay) tại Châu Âu.

- Do có sự đa dạng của các bên liên quan, quy trình thích ứng với khung khổ pháp lý của việc quản lý có thể không đủ linh hoạt để phản ứng nhanh trước sự phát triển của các sáng kiến. Điều này có thể cản trở tính hiệu quả của chức năng giám sát của các ngân hàng trung ương và cuối cùng ảnh hưởng đến sự an toàn và bảo mật chung của hệ thống thanh toán.

## 6.5. Tác động đến các hoạt động vận hành của các ngân hàng trung ương

Sự phát triển của các sáng kiến có thể ảnh hưởng đến các dịch vụ mà ngân hàng trung ương cung cấp cho hệ thống thanh toán bán lẻ. Do đó các ngân hàng trung ương có thể cần phải đánh giá các tác động tiềm năng – ví dụ như, về việc xử lý thanh toán nhanh hơn – đặc biệt là về rủi ro thanh khoản và rủi ro hoạt động.

Ngoài ra, những cải tiến trong các hệ thống thuộc sở hữu của ngân hàng trung ương có thể thiết lập một cơ sở cho các nhà cung cấp ở khu vực tư nhân có thể phát triển những đổi mới xa hơn hoặc có thể giúp đạt được mức dịch vụ tốt hơn.

### *Những thách thức chính*

- Cụ thể, xu hướng xử lý giao dịch gần thời gian thực và theo thời gian thực có thể làm mờ đi ranh giới giữa các hệ thống thanh toán bán lẻ và các hệ thống thanh toán có giá trị lớn. Nếu các hệ thống bán lẻ thuộc sở hữu tư nhân trở nên gần với thời gian thực, khối lượng thanh toán (của khách hàng) có thể dịch chuyển xa khỏi các hệ thống RTGS, do đó ảnh hưởng đến mục tiêu phục hồi chi phí cho một số ngân hàng trung ương.

- Ngân hàng trung ương vận hành các hệ thống thanh toán cần xem xét một cách kịp thời xem liệu có thể có những thay đổi về kỹ thuật mới trong hệ thống của ngân hàng trung ương để hỗ trợ các phát triển sáng tạo. Ngân hàng trung ương cần phải đi đầu về khả năng tương tác và kết nối với nhau.

- Các ngân hàng trung ương có thể muốn cân nhắc lại sự tham gia về mặt hoạt động của mình đối với các phát triển mới. Các cơ quan này có thể xem xét việc đưa ra những hỗ trợ về hoạt động cho các PSP. Tuy nhiên, các ngân hàng trung ương nên tránh nguy cơ lấn át các hoạt động ở thị trường tư nhân. Nếu các đổi mới dẫn đến một sự phân phối

dịch vụ tốt hơn bởi thị trường, vai trò vận hành của các ngân hàng trung ương có thể cũng trở nên lỗi thời theo thời gian.

## 6.6. Tác động đến tiền mặt

Trong vài thập niên qua, thanh toán thẻ nói riêng đã dẫn đến một sự chuyển đổi từ thanh toán tiền mặt sang thanh toán không dùng tiền mặt. Những đổi mới đang diễn ra trong thanh toán bán lẻ có xu hướng giảm sâu hơn thị phần của tiền mặt, đặc biệt là các mệnh giá nhỏ, và có thể ảnh hưởng xa hơn nữa đến việc sử dụng tiền mặt và vai trò của các ngân hàng trung ương cũng như các cơ quan chức năng khác trong việc phát hành tiền mặt. Một vài ngân hàng trung ương coi tác động tiềm năng của một số đổi mới là khá cao (xem Hộp 16). Tuy nhiên, vì tiền mặt được sử dụng chủ yếu cho các giao dịch giá trị nhỏ, đặc biệt là thanh toán tầm gần và P2P, hiệu ứng thay thế đáng kể chỉ có thể được dự đoán thuộc về các sáng kiến mà hướng tới các phân khúc này. Hầu hết các đổi mới được báo cáo trong nghiên cứu thực tế cho đến nay chỉ có một tác động nhỏ lên thị trường, và do đó tác động lên tiền mặt có khả năng bị hạn chế.<sup>13</sup>

### *Thách thức chủ yếu:*

- Các ngân hàng trung ương có thể muốn tìm hiểu về cách thức các sản phẩm thanh toán bán lẻ mang tính đổi mới có thể tác động lên việc sử dụng tiền mặt trong nền kinh tế của mình. Nếu việc sử dụng tiền mặt được quan sát thấy giảm đi, các ngân hàng trung ương có thể phân tích tác động của nó đến thu nhập từ phát hành tiền và đối với các hoạt động tiền mặt của mình, bao gồm cả xử lý và phân phối tiền mặt cũng như phòng chống hoạt động làm tiền giả.

### Hộp 16

#### **Đổi mới thanh toán bán lẻ và việc sử dụng tiền mặt ở Canada**

Mặc dù thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ đã phổ biến, tiền mặt vẫn tiếp tục là một công cụ thanh toán quan trọng tại Canada và các nơi khác, đặc biệt là trong các giao dịch giá trị nhỏ. Các đổi mới gần đây về các giải pháp thanh toán bán lẻ, như thanh toán di động, thẻ tín dụng phi tiếp xúc và thẻ lưu trữ giá trị, nhằm mục đích cạnh tranh với tiền mặt trong các giao dịch giá trị nhỏ. Fung, Huỳnh và Sabetti (2011) đã nghiên cứu về tác động của một số đổi mới trong thanh toán gần đây lên việc sử dụng tiền mặt, sử dụng dữ liệu khảo sát của Canada năm 2009 bao gồm bảng câu hỏi và nhật ký mua sắm trong 3 ngày<sup>14</sup>.

<sup>13</sup> Theo kinh nghiệm của Nhật Bản, là một thị trường tương đối phát triển về tiền điện tử, cho thấy sự tăng trưởng đáng kể trong thanh toán bằng tiền điện tử trong một thập kỷ qua đã không có một tác động lớn lên tiền xu và tiền giấy. Một nghiên cứu thực nghiệm – Y Kitamura, M Oomori và K Nishida, “Tác động của tiền điện tử đến cầu tiền: phân tích chuỗi thời gian”, Global COE Hi-Stat Discussion Paper Series, số 114, Viện Nghiên cứu kinh tế, Đại học Hitotsubashi, 2010 – cho thấy tiền điện tử tại Nhật Bản chỉ thay thế được cho những đồng tiền xu giá trị nhỏ, trong khi tác động của nó lên tổng cầu về tiền xu là rất nhỏ. Điều này có thể được giải thích bởi thực tế là phạm vi sử dụng tiền điện tử vẫn còn giới hạn, và do đó những người tiêu dùng cần giữ cả tiền mặt và tiền điện tử.

<sup>14</sup> B Fung, K Huỳnh và L Sabetti, “Các sáng kiến trong thanh toán bán lẻ và việc sử dụng tiền mặt tại Canada”, Nghiên cứu của Ngân hàng Canada, sắp được công bố.

Đối với mỗi cá nhân, tổng giá trị mua hàng bằng tiền mặt được hiệu chuẩn bởi tổng giá trị của tất cả các chi tiêu được thực hiện trong nhật ký mua sắm, cuối cùng thu được một thước đo tương đối về chi tiêu tiền mặt. Do đó, các tác giả nhận thấy rằng những người sử dụng cả thẻ tín dụng phi tiếp xúc và các loại thẻ lưu trữ giá trị (người đổi mới) có xu hướng sử dụng ít tiền mặt hơn trong thực hành nhật ký so với những người không sử dụng những sáng kiến này (không phải là người đổi mới). Trung bình, những người đổi mới đã tiến hành 12% và 17% tổng giá trị mua hàng tại cửa hàng bằng tiền mặt, so với khoảng 32% và 37% những người không sử dụng các loại thẻ phi tiếp xúc và các loại thẻ lưu trữ giá trị tương ứng. Những khác biệt trong thị phần tiền mặt trung bình là nhất quán khi so sánh các cá nhân về mức thu nhập, giáo dục, tuổi tác và các nhóm nhân khẩu học xã hội khác. Tuy nhiên, những kết quả này phải được giải thích một cách thận trọng, vì không xác định được chiều hướng thực sự của mối quan hệ nhân quả - vấn đề con gà và quả trứng cổ điển. Các cá nhân muốn sử dụng ít tiền mặt hơn cũng có thể có nhiều khả năng chấp nhận và sử dụng các công cụ thanh toán sáng tạo khi chúng có sẵn. Sự hiện diện của một biến không quan sát được có thể khiến một cá nhân vừa chọn một tính năng sáng tạo vừa sử dụng ít tiền mặt hơn, dẫn đến một suy luận sai lệch về tác động của đổi mới, hay thường được gọi là sai lệch trong chọn lọc. Các phương pháp đặc biệt do đó được sử dụng để chỉnh sửa lại sai lệch chọn lọc này.

Các kết quả tổng hợp của nghiên cứu cho thấy rằng các sáng kiến gần đây nhất hướng đến việc thay thế tiền mặt trong các giao dịch giá trị nhỏ có một tác động tiêu cực đáng kể lên việc sử dụng tiền mặt ở Canada. Các kết quả này cho thấy việc sử dụng tiền mặt đã được giảm đi, trong đó 13% được giảm đi bằng giao dịch sử dụng thẻ tín dụng phi tiếp xúc và 11% bằng sử dụng thẻ lưu trữ giá trị. Trong tương lai gần, nếu những sáng kiến này trở nên phổ biến hơn thì điều này có thể dẫn đến việc sử dụng tiền mặt giảm đi đáng kể.

### 6.7. Tác động của chính sách tiền tệ

Cách thức mà các sáng kiến trong thanh toán tác động lên chính sách tiền tệ đã được nghiên cứu sâu trong bối cảnh tiền điện tử.<sup>15</sup> Tiền điện tử thường được phát hành và lưu trữ bởi các tổ chức phi ngân hàng. Tiền điện tử có thể trở nên quan trọng dưới góc nhìn của một ngân hàng trung ương khi nó trở thành một sự thay thế gần như hoàn hảo cho tiền của ngân hàng trung ương. Điều này tác động đến kích cỡ của bảng cân đối của ngân hàng trung ương, do đó ảnh hưởng đến khả năng tác động của ngân hàng trung ương lên lãi suất ngắn hạn.

Tuy nhiên, mặc dù tiền điện tử đã trở nên ngày càng quan trọng tại một số quốc gia, tác động của những phát triển này lên cấu phần của cơ sở tiền tệ được coi là không đáng kể cho đến nay. Hơn nữa, ngay cả khi việc sử dụng tiền điện tử được mở rộng ồ ạt, ngân hàng trung ương vẫn sẽ có những biện pháp khác để duy trì mối liên kết chặt chẽ giữa tiền điện tử và tiền của ngân hàng trung ương và để kiểm soát lãi suất ngắn hạn. Do đó, hầu hết các ngân hàng trung ương đánh giá rằng sức ảnh hưởng của đổi mới trong thanh toán bán lẻ lên chính sách tiền tệ là trung lập hoặc ít quan trọng.

<sup>15</sup> Xem Ngân hàng Thanh toán Quốc tế, Gợi ý cho các ngân hàng trung ương về sự phát triển của tiền điện tử, Basel, tháng 10 năm 1996.

*Những thách thức chính:*

- Các ngân hàng trung ương có thể muốn theo dõi chặt chẽ những phát triển gần đây, ví dụ như việc tiên ảo do mạng xã hội hoặc các mạng lưới điện tử khác cung cấp ngày càng trở nên phổ biến. Tùy thuộc vào phạm vi và quy mô của một vài mạng lưới này, những đồng tiền của các mạng lưới này có thể có tác động thay thế tiền mặt hoặc tiền gửi của ngân hàng trung ương.
- Trong trường hợp cần thiết, các ngân hàng trung ương nên tiếp tục nghiên cứu các hệ quả của những phát triển này đối với hoạt động của chính sách tiền tệ.

[Trở lại đầu trang](#)

**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC THÁNG 12 -2018****1. Tăng cường sự phối hợp giữa chính sách tiền tệ với chính sách an toàn hoạt động ngân hàng tại Việt Nam**

**Chủ nhiệm:** TS.Nguyễn Phi Lâm - Vụ trưởng, Vụ IV, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, NHNN

**Mã số:** ĐTNH.008/17

**Thời gian nghiệm thu:** 20/12/2018

**Kết quả nghiệm thu:** Giỏi

**Các chủ đề nghiên cứu chính:**

- Cơ sở lý luận về sự phối hợp giữa chính sách tiền tệ với chính sách an toàn hoạt động ngân hàng;
- Thực trạng về sự phối hợp giữa chính sách tiền tệ với chính sách an toàn hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;
- Đo lường tác động của chính sách tiền tệ và chính sách an toàn hoạt động ngân hàng đến nền kinh tế, hệ thống các TCTD và sự tương tác, phối hợp giữa hai chính sách;
- Giải pháp tăng cường sự phối hợp giữa chính sách tiền tệ với chính sách an toàn hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.

**Mô tả tóm tắt:**

Nhằm nghiên cứu mục tiêu, các công cụ, mối quan hệ và cơ chế phối hợp giữa chính sách tiền tệ (CSTT) và chính sách an toàn hoạt động ngân hàng (CSATNH) để tham mưu về phối hợp giữa chính sách, đề tài ĐTNH.008/17 đã triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể sau:

Chương 1 nghiên cứu cơ sở lý luận về sự phối hợp giữa CSTT với CSATNH, bao gồm: Các vấn đề cơ bản về CSATNH và CSTT như mục tiêu, khuôn khổ, các công cụ thực hiện; Sự cần thiết, mục tiêu của việc phối hợp giữa CSTT với CSATNH. Nghiên cứu tại chương 1 đưa ra một số lý giải sự cần thiết phải có sự phối hợp giữa chính sách kinh tế vĩ mô nói chung và CSTT nói riêng với CSATNH như: Do quá trình thực thi chính sách tiền tệ luôn có những tác động lên sự ổn định của hệ thống ngân hàng; Do nhiệm vụ giám sát tài chính nói chung và ngân hàng nói riêng thường được giao cho nhiều cơ quan phụ trách khác nhau, trong khi tính tương tác giữa các khu vực trong hệ thống tài chính lại rất chặt chẽ; Do các công cụ giám sát ngân hàng thường được chia sẻ hoặc thậm chí được sử dụng chung giữa các cơ quan thực thi chính sách tiền tệ và giám sát tài chính; Do trong một số cơ quan thực thi chính sách tiền tệ trên thế giới có chức năng giám sát an toàn vĩ mô, trong khi giám sát an toàn vĩ mô và giám sát an toàn vi mô lại có sự giao thoa lẫn nhau, nên sự phối hợp sẽ giúp tăng tính hiệu quả của các mô thức giám sát; Do giữa các mục tiêu của chính sách tiền tệ và mục tiêu ổn định và an toàn ngân hàng không phải lúc nào cũng tương thích, thậm chí trong nhiều trường hợp lại có sự xung đột, chính vì vậy, một sự phối hợp hiệu quả sẽ giúp tìm thấy điểm cân bằng giữa các mục tiêu chính sách. Những lý do trên đã đặt ra yêu cầu phải có sự phối hợp giữa các đơn vị thực thi CSTT và CSATNH.

Chương 2 của đề tài nghiên cứu về thực trạng về sự phối hợp giữa chính sách tiền

tệ với chính sách an toàn hoạt động ngân hàng tại Việt Nam. Nghiên cứu tại chương 2 cho thấy từ năm 2008 đến nay do suy giảm kinh tế thế giới và ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam, chính sách tiền tệ và chính sách an toàn hoạt động ngân hàng cũng có sự thay đổi phù hợp, tương tác và phối hợp với nhau để thực hiện mục tiêu chung là đảm bảo ổn định, an toàn hệ thống các TCTD nói chung và TCTD nói riêng. Trong từng thời kỳ, để phù hợp với mục tiêu kinh tế vĩ mô, chính sách an toàn hoạt động ngân hàng đều có sự thay đổi, chỉnh sửa, bổ sung phù hợp. Việc ban hành, chỉnh sửa, bổ sung không làm mất đi mục tiêu của chính sách an toàn hoạt động ngân hàng mà còn bổ sung, hỗ trợ chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ. Quá trình phối hợp giữa chính sách tiền tệ và chính sách an toàn hoạt động ngân hàng trong giai đoạn vừa qua chưa cho thấy sự xung đột lớn về mặt lợi ích cũng như mục tiêu của mỗi chính sách. Tuy vậy, phối hợp giữa chính sách tiền tệ và chính sách an toàn hoạt động ngân hàng trong thời gian qua cho thấy vẫn còn những tồn tại và hạn chế về vai trò, nhiệm vụ của các đơn vị trong cơ chế phối hợp; Về tăng cường vai trò của giám sát an toàn vĩ mô; Về tính vị thế của Cơ quan TTGSNH; về độ trễ trong phối hợp, ban hành quy định; về cơ chế chia sẻ thông tin, phối hợp đột xuất; về tính dự báo và xác định chính xác các kênh truyền dẫn; về việc thiếu cơ chế hội đồng, phản biện và cơ chế xử lý những vấn đề xung đột về mục tiêu giữa chính sách tiền tệ và chính sách an toàn.

Tại Chương III, nhóm nghiên cứu sử dụng các mô hình định lượng để phân tích, đánh giá tác động của chính sách tiền tệ và chính sách an toàn hoạt động ngân hàng đến nền kinh tế, hệ thống các TCTD và sự tương tác, phối hợp giữa hai chính sách. Kết quả phân tích định lượng tại chương 3 cho phép nhóm tác giả đưa ra một số kết luận sau:

(i) việc NHNN ban hành quy định về an toàn hoạt động ngân hàng (Thông tư 13/2010/TT-NHNN có hiệu lực từ 01/10/2010 và Thông tư 36/2014/TT-NHNN có hiệu lực từ 01/2/2015) trong giai đoạn 2011-2017 có tác động đến hoạt động an toàn, lành mạnh và hiệu quả của hệ thống các TCTD nói chung và từng TCTD nói riêng.

(ii) Về tác động của CSTT đến nền kinh tế và hệ thống các TCTD, kết quả phân tích định lượng cho thấy:

- Cung tiền M2 có xu hướng tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn.

- Chỉ số CPI tương đối nhạy cảm và phản ứng trước động thái thắt chặt chính sách tiền tệ, cụ thể là việc tăng lãi suất có tác động mạnh đến chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số CPI có xu hướng giảm mạnh khi NHNN tăng lãi suất VND với độ trễ khoảng 3 tháng.

- Sự biến động của thị trường tiền tệ, ngoại hối phụ thuộc rất lớn vào công tác điều hành chính sách tiền tệ thông qua các công cụ lãi suất và lượng tiền cung ứng ra lưu thông.

- Hệ thống các TCTD tương đối nhạy cảm và chịu tác động rất lớn bởi các cú shock bên ngoài nền kinh tế, đặc biệt là sự biến động của giá cả hàng hóa thế giới cũng như các động thái điều hành chính sách tiền tệ của FED.

- Trước các cú shock về tăng trưởng kinh tế, cụ thể là nền kinh tế đang ở trạng thái tăng trưởng nóng “overheating”, chỉ số CPI có xu hướng tăng nhanh và liên tục trong khoảng thời gian 5 - 10 tháng.

(iii) tồn tại mối quan hệ, tương tác giữa chính sách tiền tệ và chính sách an toàn hoạt động ngân hàng. Tuy nhiên, mối quan hệ này được thể hiện ở mỗi quan hệ một chiều từ góc độ phối hợp của chính sách an toàn hoạt động ngân hàng.

Chương 4 của đề tài phân tích bối cảnh kinh tế, tài chính trong nước và quốc tế, phân tích các quan điểm chỉ đạo của Quốc hội và Chính phủ về kinh tế vĩ mô và hoạt động ngân hàng, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp tăng cường sự phối hợp giữa chính sách tiền tệ và chính sách an toàn hoạt động ngân hàng tại Việt Nam, bao gồm: Các giải pháp chung về chính sách tiền tệ và chính sách an toàn hoạt động ngân hàng; Các giải pháp tăng cường sự phối hợp giữa chính sách tiền tệ và chính sách an toàn hoạt động ngân hàng. Trong đó, đối với nội dung phối hợp chính sách, nhóm nghiên cứu đặc biệt nhấn mạnh đến các nội dung về thiết lập cơ chế cung cấp, trao đổi thông tin, cơ chế tham vấn, nâng cao chất lượng công tác phân tích, cảnh báo sớm rủi ro kinh tế vĩ mô, an toàn hoạt động ngân hàng./.

## HỘI THẢO KHOA HỌC THÁNG 12 - 2018

### 1. Tọa đàm “Tài chính vi mô có vai trò quan trọng trong phát triển Tài chính toàn diện”

*Thời gian tổ chức: 12/12/2018*

*Đơn vị thực hiện: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) NHNN đã phối hợp với Trung tâm Tư vấn nguồn lực tài chính vi mô doanh nghiệp nhỏ và vừa (VMFWG)*

*Nội dung hội thảo:*

Ngày 12/12/2018, tại trụ sở Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) NHNN đã phối hợp với Trung tâm Tư vấn nguồn lực tài chính vi mô doanh nghiệp nhỏ và vừa (VMFWG) tổ chức tọa đàm “Tài chính vi mô trong phát triển tài chính toàn diện”.

Tham dự Tọa đàm có ông Đào Minh Tú - Phó Thống đốc NHNN; ông Nguyễn Toàn Thắng - Tổng thư ký Hiệp hội Ngân hàng, Chủ tịch Hội đồng Giám khảo CMA 2018, ông Tô Hoài Nam - Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam cùng các đại biểu đến từ các cơ quan ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội, các ngân hàng thương mại, ngân hàng Chính sách xã hội, Nhóm công tác Tài chính vi mô (TCVM) Việt Nam, các thành viên là các tổ chức, chương trình dự án TCVM...

Phát biểu khai mạc, ông Đào Minh Tú - Phó Thống đốc NHNN cho biết, những người nghèo và người có thu nhập thấp trên thế giới thường khó có cơ hội tiếp cận với các dịch vụ tài chính chính thức do một số rào cản về năng lực, hiểu biết tài chính, khả năng tiếp cận và thiếu tài sản thế chấp khi tiếp cận với dịch vụ tín dụng chính thức.

Tài chính vi mô có mục tiêu cải thiện điều kiện kinh tế cho nhóm khách hàng nghèo, giúp họ có cơ hội phát triển, cải thiện cuộc sống, thông qua việc cung cấp các dịch vụ tài chính cho người nghèo. Bên cạnh mục tiêu tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận trực tiếp với các dịch vụ tài chính và phi tài chính, các tổ chức tài chính vi mô còn hướng tới mục tiêu là giúp khách hàng có đủ năng lực tiếp cận bền vững với dịch vụ tài chính chính thức. Do đó, tài chính vi mô được coi là công cụ phát triển của người nghèo, chứ không chỉ là dịch vụ tài chính đơn thuần.

Trong thời gian qua, tài chính vi mô được xem là công cụ hữu hiệu trong chiến lược xóa đói giảm nghèo ở các quốc gia đang phát triển và thu hút được sự quan tâm của chính phủ, nhà tài trợ và các nhà thực hành. Tại Việt Nam, Chính phủ và NHNN đặc biệt quan tâm đến hoạt động và sự phát triển của tài chính vi mô. Điều này thể hiện thông qua việc Chính phủ đã phê duyệt đề án của NHNN về “Xây dựng và phát triển hệ thống tài chính vi mô tại Việt Nam đến năm 2020”.

Phó Thống đốc cho rằng, buổi Tọa đàm này là một hoạt động có ý nghĩa, là cơ hội chia sẻ thông tin về hiện trạng tài chính toàn diện, phục vụ việc xây dựng Chiến lược quốc gia về tài chính toàn diện; định hướng sự hỗ trợ của Chính phủ đối với hoạt động TCVM và huy động nguồn lực, sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan nhằm thúc đẩy tài chính toàn diện tại Việt Nam, qua đó góp phần tích cực vào công cuộc xóa đói

giảm nghèo, phát triển kinh tế Việt Nam toàn diện, bền vững.

Phó Thống đốc cho biết thêm, ngay sau Tọa đàm này NHNN cùng với Nhóm tổ chức Lễ trao giải Doanh nhân vi mô Citi – Việt Nam (CMA) năm 2018. Đây là chương trình hết sức có ý nghĩa, giúp vinh danh những tấm gương điển hình là những người nghèo đã sử dụng vốn vay vi mô hiệu quả để vươn lên và đạt được những thành công trong cuộc sống.

Tại buổi Tọa đàm, các diễn giả đã trình bày tóm tắt mô hình và vai trò hoạt động của tổ chức TCVM trong dự thảo Chiến lược Tài chính Toàn diện tại Việt Nam. Thông qua những câu chuyện thực tiễn hoạt động của các tổ chức TCVM tại Việt Nam, bà Dương Thị Ngọc Linh - Tổng Giám đốc Tổ chức TCVM trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tình Thương (TYM), bà Trần Thị Thanh Thụy - Giám đốc Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tỉnh Tiền Giang (MOM) và bà Đinh Thị Ánh Tuyết - Giám đốc Trung tâm phát triển doanh nghiệp nông thôn Việt Nam (VietED) đã trình bày về mô hình hoạt động của tổ chức TCVM bán chính thức và tác động của TCVM trong công tác xóa đói giảm nghèo, giáo dục tài chính, phát triển doanh nghiệp siêu vi mô/vi mô tại Việt Nam.

Các đại biểu dự Tọa đàm đã trao đổi về cơ sở pháp lý hỗ trợ TCVM hướng tới Tài chính toàn diện, trong đó tập trung vào những vấn đề cần cải thiện trong hoạt động và cơ sở pháp lý của TCVM; biên pháp thúc đẩy hợp tác giữa các tổ chức TCVM và các công ty Fintech, ngân hàng thương mại hướng tới mục tiêu phổ cập tài chính; vai trò của Cơ quan quản lý và các bên liên quan đối với mục tiêu hỗ trợ TCVM phát triển thành trụ cột hướng tới TCTD; các mô hình TCVM quốc tế và giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thường gặp trong quá trình hoạt động của các tổ chức TCVM tại Việt Nam...

Nguồn: sbv.gov.vn

[Tổng thuật hội thảo](#)

[Trở lại trang đầu](#)

**ÁN PHẨM KHOA HỌC THÁNG 12 -2018****1. Từ điển phân tích kinh tế**

*Nguồn: NXB Trí thức*

*Tác giả: Bernard Guerrien*

*Dịch giả: Nguyễn Đôn Phước*

*Giới thiệu ấn phẩm:*

Từ điển Guerrien là một tác phẩm độc đáo về nhiều mặt. Trước tiên, đúng như tên gọi của nó, đây là từ điển phân tích kinh tế chứ không phải từ điển kinh tế. Nó tập hợp các phạm trù lí luận sử dụng trong phân tích kinh tế hơn là các thuật ngữ kinh tế thông dụng. Vào bảng tra cứu, thay vì tìm mục Kế toán, Thuế giá trị gia tăng, Tổng sản phẩm trong nước hay Tổ chức Thương mại Thế giới - bạn đọc hãy tìm những mục như: Cạnh tranh hoàn hảo, Tác nhân tiêu biểu, Bất trắc hay Tổng hợp tân cổ điển. Nói một cách khái quát hơn, từ điển Guerrien cung cấp cho người đọc các công cụ phân tích của Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô, Kinh tế học, Lý thuyết trò chơi... Tất nhiên, các phạm trù phân tích cơ bản chỉ có thể mang tính trừu tượng hóa, và tổng thể những tính quy định trừu tượng mới hình thành các phạm trù có tính cụ thể hơn của từ điển như những mục: Thị trường tài chính, Thất nghiệp, Kinh tế học mạng hay Cân bằng chung tính toán được.

Khác với các từ điển kinh tế thông thường, từ điển Guerrien không dừng ở chỗ định nghĩa thuật ngữ, với công thức toán học của nó (nếu có) hay những ví dụ (nếu cần). Đó là một công trình mang tính chất từ điển bách khoa, mỗi mục không chỉ trình bày nội dung của phạm trù một cách kỹ thuật, nó còn đặt trọng tâm vào cách đọc phê phán và chú ý đến các cuộc tranh luận, nó quan tâm đến lịch sử tư tưởng và nhấn mạnh đặc biệt vào phương pháp luận. Nhiều mục có tính đặc thù phương pháp luận: Phương pháp luận cá thể, Phương pháp luận tổng thể, Như thể, Hỗn độn...

Là tiến sĩ toán học kiêm tiến sĩ kinh tế học, tác giả còn vạch rõ ý nghĩa kinh tế và nội dung phương pháp luận ẩn nấp phía sau nhiều giả thuyết và công thức có vẻ thuần túy toán học: Arrow-Debreu (mô hình), Dự kiến duy lí, Tổng gộp (vấn đề), Tăng trưởng nội sinh (lí thuyết), Thị trường hữu hiệu (lý thuyết). Bernard Guerrien không giấu giếm chủ kiến và chính kiến của mình, song không vì thế mà công trình của ông lại mất tính khoa học. Trái lại, tinh thần phê phán của tác giả có tính gợi mở, khuyến khích người đọc đi xa hơn. Chính nó làm cho tác phẩm của Bernard Guerrien không có tương đương hiện nay trên thị trường từ điển. Bản tiếng Việt của từ điển Guerrien do Nguyễn Đôn Phước thực hiện không chỉ là một công trình dịch thuật công phu, với nhiều chú giải giúp bạn đọc nào muốn đi xa hơn tìm đến văn bản gốc hay tư liệu bổ sung khác. Nó còn cung cấp một phụ lục đối chiếu thuật ngữ phân tích kinh tế Việt-Anh-Pháp với đầu vào bằng cả ba thứ tiếng. Cho dù nhiều từ tiếng Việt mà người dịch đề xuất có thể thảo luận thêm và cải thiện, song việc sưu tầm hơn ba ngàn thuật ngữ này, tự nó, đã là việc làm

hữu ích để xác lập ngành kinh tế học tại Việt Nam.

Đối với sinh viên kinh tế học, từ điển Guerrien sẽ là người bạn đồng hành đáng tin cậy suốt các năm đại học. Đối với người nghiên cứu và giảng dạy trong các lĩnh vực kinh tế học, nó là cộng tác viên không thể thiếu được. Còn đối với các chuyên viên, nhà báo và nói chung những ai quan tâm đến thảo luận kinh tế, đây là một người hướng dẫn thông minh. Chí ít, trong thời buổi hội nhập và toàn cầu hóa, Từ điển phân tích kinh tế giới thiệu thêm một cách đặt và biện giải vấn đề làm cho người đọc không thể không động não mỗi khi sử dụng những khái niệm như Thị trường, Quy luật cung cầu, Cạnh tranh hay Bàn tay vô hình.

Quản lí đời sống kinh tế hằng ngày chắc chắn là không mấy hờ hời. Tuy nhiên đó là một việc cần thiết và quan trọng. Và điều này cũng vô cùng khó khăn, bởi vì các xã hội và con người hợp thành xã hội là phức tạp biết mấy. Ai mong muốn trở thành nhà kinh tế, và góp phần vào sự phát triển của đất nước mình phải ý thức điều trên, bởi sáng suốt là một điều kiện của sự minh triết. Và lại, trong kinh tế học, không có lí thuyết hay quy luật nào được sự đồng ý của mọi người hay của hầu hết mọi người. Thế mà, đọc các sách giáo khoa – chủ yếu đến từ Hoa Kỳ, và đang xâm nhập toàn thế giới có thể làm ta nghĩ điều ngược lại. Theo các sách giáo khoa này, dường như có một khoa học kinh tế được xác lập vững chắc, với những kết quả rõ ràng và đã được thử thách, được đại đa số các nhà kinh tế đồng tình. Tất nhiên, giữa các nhà kinh tế vẫn còn những bất đồng – các cuộc tranh cãi thường xuyên, đặc biệt về những gì liên quan đến chính sách kinh tế, chứng minh điều này – nhưng các cuộc tranh luận này không nhắm vào điều cốt yếu. Tất cả các sách giáo khoa trên lập đi lập lại cũng bấy nhiêu ý. Sự khác biệt giữa các giáo trình này chủ yếu nằm ở mức độ kĩ thuật - hay một cách phù phiếm hơn, ở chất lượng giấy bóng và màu mè các hình ảnh và biểu đồ đầy rẫy trong đấy - khiến người ta làm tưởng rằng chúng bàn đến thế giới hiện thực. Do ngại làm rối trí người đọc, trình bày lí thuyết được làm dẹt đi rất nhiều. Các khó khăn hầu như không được đề cập đến. Làm như là duy chỉ những ai biết rõ toán học mới có quyền được hiểu chính xác nội dung. Từ điển này xuất phát từ một quan điểm khác. Mọi người, trước tiên là sinh viên nhập môn hay công dân có ý muốn tìm hiểu, phải được thông tin về tính xác đáng và tầm quan trọng của các khái niệm và lí thuyết hiện hành của các nhà kinh tế. Đừng bao giờ quên rằng tư duy trong kinh tế học nhắm vào một thế giới mà mỗi chúng ta, trong cuộc sống hằng ngày, đều có một hiểu biết ít nhiều trực tiếp. Do các khái niệm và lí thuyết kinh tế liên quan đến thế giới này nên bất kì ai là thành viên của thế giới cũng có thể hiểu được chúng. Bởi thế mà tất cả những mục về các khái niệm hay lí thuyết đều bắt đầu bằng một trình bày bằng văn xuôi, vừa tầm với mọi người có thiện ý, để ai cũng có thể tự mình đánh giá lợi ích của khái niệm hay lí thuyết ấy. Các khó khăn không bị che giấu. Đặc biệt là ý nghĩa kinh tế chính xác của mỗi một giả thiết được nêu bật, không nhân nhượng – trái ngược với các sách giáo khoa giữ im lặng trước những giả thiết đáng bàn luận nhất hay nhấn chìm chúng trong các phương trình. Do đó cách tiếp

cận ở đây có tính phê phán, như bất kì lập luận nào muốn có tính khoa học. Khi cần thiết, phiên bản toán học của các khái niệm và lí thuyết này cũng được trình bày cho những ai quan tâm đến hay gặp phải chúng trong quá trình học tập, để giúp họ hiểu rõ hơn. Trong tinh thần này, một số mục trình bày những kết quả và kĩ thuật chính về toán học được sử dụng trong chương trình học kinh tế, bởi một trong những tham vọng của tác phẩm này là cung cấp một công cụ hỗ trợ cho công chúng có những động cơ và trình độ đào tạo đa dạng nhất. Tiếng vọng trở lại mà từ điển này nhận được ở Pháp, đặc biệt trong sinh viên, dường như chứng tỏ rằng đây không phải là mục tiêu không với tới được. Vì vậy tác giả hết lòng mong mọi điều tương tự cũng sẽ xảy ra ở Việt Nam.

Viện Chiến lược ngân hàng trân trọng giới thiệu tới bạn cuốn sách này!

[Giới thiệu sách](#)

[Trở lại trang đầu](#)

## 2. Kinh tế học tổ chức

*Nguồn: NXB Trí thức*

*Tác giả: Claude Ménard*

*Dịch giả: Nguyễn Đôn Phước*

*Giới thiệu ấn phẩm:*

Quyển sách mỏng trình bày một bản sơ kết phân tích kinh tế về các tổ chức, một chuyên ngành phát triển mạnh trong giai đoạn gần đây. Sách nhằm trả lời một số câu hỏi chính như: Đối tượng của kinh tế học tổ chức là gì? Đây là những cơ chế phối hợp đặc trưng cho các tổ chức? Có thể vận dụng những công cụ nào để động viên nhân viên hợp tác? Các xung đột trong nội bộ được giải quyết ra sao? Tổ chức thích nghi với môi trường hoạt động bằng cách nào? Vì sao tất cả những điểm trên đưa đến việc xem xét lại nhiều kết quả của lý thuyết kinh tế thông thường?

Kinh tế học tổ chức dao động giữa hai quan điểm. Một bên là cách tiếp cận tổng thể, quan tâm đến toàn bộ những bố trí thể chế cho phép đảm bảo việc sản xuất và trao đổi trong một nền kinh tế thị trường. Arrow đã chọn cách nhìn này. Như vậy, tổ chức bao gồm những thiết chế khác nhau có thể, từ doanh nghiệp cho đến thị trường, cho tới những phương thức “lai ghép” như các mạng hay liên minh, và kể cả Nhà nước và những cơ quan của nó. Một cách nhìn khác, hạn hẹp và phù hợp với truyền thống hơn, giới hạn ở việc phân tích tổ chức như một thực thể kinh tế riêng biệt, nghĩa là như nơi diễn ra quyết định thống nhất cuối cùng mà khuôn mẫu là doanh nghiệp. Trong trường hợp này, điều chủ yếu được chú ý là những bố trí nội bộ cấu thành các thực thể trên và trang bị cho chúng một bản sắc, nhưng không vì thế mà quên đi những tương tác giữa chúng với nhau. Quan điểm sau được lồng trong quan điểm đầu: cả hai không phải là không tương thích với nhau nhưng có những điểm nhấn khác nhau, dẫn đến việc xác định lĩnh vực điều tra có quy mô khác nhau. Quyển sách này chủ yếu tập trung phân tích các tổ chức hiệu theo nghĩa hẹp (về một cách tiếp cận tổng quát hơn, xem Ménard).

Kể từ lần xuất bản đầu tiên quyển sách này, việc phân tích các thực thể trên đã có những phát triển to lớn. Tuy thế, cách tiếp cận vẫn giữ được tính mới mẻ trong chừng mực mà đối tượng của nó còn thiết kế những khái niệm và phương pháp không ngừng tiến triển. Tính đổi mới này không có nghĩa rằng chuyên ngành này phủ nhận quá khứ. Kinh tế học tổ chức không quên những công trình, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế vi mô, của các thế hệ nhà nghiên cứu và một nhánh quan trọng của các nghiên cứu gần đây vẫn lấy cảm hứng từ đó. Nhưng kinh tế học tổ chức ưu tiên cho một số vấn đề mà quá nhiều nhà kinh tế tiếp tục không biết đến, ví dụ như bản chất của những quan hệ thứ bậc và quan hệ của chúng với các cơ chế động viên. Để phân tích các vấn đề này kinh tế học tổ chức vận dụng những phương pháp khác nhau mà một số, chẳng hạn như các nghiên cứu tình huống, làm cho các nhà kinh tế chính thống nổi giận. Kinh tế học tổ chức không cung cấp những giải pháp mới cho những vấn đề truyền thống được các nhà kinh tế đặt ra, như việc sử dụng những nguồn lực khan hiếm, nhưng chuyên ngành tìm câu trả lời cho những câu hỏi mới, chẳng hạn vì sao trong doanh nghiệp các tác nhân từ bỏ một phần đáng kể việc tự mình ra quyết định.

Các chương sau đây ưu tiên cho một cách trình bày đặt trọng tâm vào các vấn đề hơn là vào các trường phái. Chương I, phát triển những khái niệm nhằm vạch đường biên của lĩnh vực nghiên cứu và giới thiệu một định nghĩa về tổ chức, định nghĩa này sau đó được làm cho phong phú thêm. Chương này nhấn mạnh tính phức tạp của một nền kinh tế thị trường và tính đa dạng của những bố trí thể chế cấu thành nền kinh tế này. Sau khi nhận diện những hình thái chính của các bố trí trên, chương này kết thúc với việc bàn luận một vấn đề được các nhà kinh tế quan tâm nhiều, tức là lí do tồn tại của các tổ chức và những lực thúc đẩy một tổ chức tự tiến hành hoạt động của mình thay vì giao cho một tổ chức khác đảm đương.

Chương II, phát triển một điểm mấu chốt, đó là vấn đề tổ chức như là phương thức phối hợp. Ba thiết chế được đặc biệt chú ý: hệ thống thông tin, một hệ thống biến tổ chức thành nơi có sự truyền thông; các chức năng điều khiển biến tổ chức thành nơi ra quyết định có những đặc tính vô cùng đặc biệt; những quan hệ hợp đồng biến tổ chức thành nơi diễn ra các cuộc thương thảo. Nằm đằng sau các thiết chế này là sự phân bổ các quyền ra quyết định.

Chương III, xem xét những cơ chế được thiết lập nhằm khuyến khích các tác nhân hợp tác và đảm bảo một tính chặt chẽ nội tại, ít ra là tương đối, của những lựa chọn và hành động của các tác nhân. Hiển nhiên là ở đây các biện pháp động viên giữ vị trí trung tâm. Nhưng một bài học quan trọng của kinh tế học tổ chức là việc chứng minh những hiệu ứng không được chờ đợi của các biện pháp động viên mang tính thuần túy tiền tệ. Các biện pháp này thuộc về vấn đề điều hành và viện đến những động cơ phức tạp, và huy động những giá trị riêng mà lí thuyết cũng phải tính đến.

Một cách tự nhiên, những nhận định trên dẫn đến chủ đề của Chương IV, một chương dành cho những cấu trúc làm chỗ dựa cho những thiết chế phối hợp và động

viên, và cho những nhân tố dẫn đến việc thay đổi các cấu trúc này. Chúng tôi thử chỉ ra sự cần thiết phải vượt qua những cấu trúc hình thức mà ta không thể xem nhẹ tầm quan trọng, để tính đến những cấu trúc vi mô làm cho tổ chức trở thành sinh động. Hơn nữa, các cấu trúc này không cố định. Chúng tiến hóa do sự kết hợp của những lực bên trong các tổ chức, chẳng hạn những cuộc xung đột giữa các bên khác nhau, và những áp lực của môi trường. Điều này cho phép kết nối kinh tế học tổ chức với, một mặt, phân tích cấu trúc thị trường và, mặt khác, với việc phân tích các thể chế trong đó các tổ chức được lồng ghép.

Đứng trước sự đa dạng của các cách tiếp cận và sự tăng trưởng theo hàm mũ của các công trình về những vấn đề trên, chúng tôi buộc phải có những lựa chọn khắc nghiệt. Lựa chọn đầu tiên là do chính ngay mục tiêu của quyển sách ấn định. Ví dụ, nhiều phát triển trong kinh tế học thông tin hay trong lý thuyết động viên vượt quá khuôn khổ của các tổ chức. Trong quyển sách này, chỉ được giữ lại những yếu tố xác đáng trong hai chuyên ngành trên để hiểu các tổ chức. Một lựa chọn thứ hai, còn tinh tế hơn nữa, liên quan đến quan điểm lý thuyết. Hiện nay có nhiều giải thích khác nhau, và thường cạnh tranh nhau, để tính đến sự tồn tại và những đặc trưng của các tổ chức. Phân tích sau đây chủ yếu dựa trên kinh tế học về các chi phí giao dịch và, ở một mức độ ít hơn, trên lý thuyết người ủy quyền-người đại diện. Nhiều cách tiếp cận khác, chẳng hạn như lý thuyết tiến hóa dành một vai trò quan trọng cho các năng lực, có những phát triển đáng được đề cập rộng hơn những gì được trình bày trong sách này. Các lựa chọn của chúng tôi nhằm đi vào điều thiết yếu: trong hiện trạng hiểu biết của chúng ta, những lý thuyết được ưu tiên ở đây tương ứng với những đóng góp có ý nghĩa nhất của những nghiên cứu gần đây. Cuối cùng ở cấp độ thư mục, chúng tôi cũng tập trung vào những phân tích có ý nghĩa nhất. Nội dung cuốn sách bao gồm:

Dẫn nhập

Sự kháng cự mãnh liệt

Một trình bày có chọn lọc

Chương I - Lĩnh vực, bản chất và sự tồn tại của tổ chức

Tổ chức, một bộ phận của một toàn cảnh phức hợp

Tính đa dạng của những phương thức tổ chức

Sự tồn tại của các tổ chức

Chương II - Tổ chức như phương thức phối hợp

Tổ chức, nơi trao đổi thông tin

Tổ chức, như là không gian điều khiển

Tổ chức, nơi thương thảo 82

Chương III - Động viên, hợp tác và tính chặt chẽ nội tại

Những biện pháp động viên bằng tiền

Biện pháp động viên bằng biện pháp tổ chức

Tính có kết bằng những giá trị riêng

Chương IV - Cấu trúc và sự biến đổi

Những tiêu chí phân loại

Kiến trúc các tổ chức

Bản chất của thay đổi tổ chức

Đổi mới tổ chức và môi trường

Kết luận: Một chương trình nghiên cứu năng động

Thư mục tham khảo

Phụ lục: Williamson và kinh tế học thể chế mới

Viện Chiến lược ngân hàng trân trọng giới thiệu tới bạn cuốn sách này!

[Giới thiệu sách](#)

[Trở lại trang đầu](#)